

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày 08-02-2023

V/v: Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Huy Hiệp

Ông Phạm Tuấn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLPT-DS ngày 18/11/2022 về việc Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

+ Ông Lò Văn A. Sinh năm: 1944. Địa chỉ: Bản NL (nay là bản HL), xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lò Văn B. Sinh năm: 1947. Địa chỉ: Bản NL (nay là bản HL), xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lò Văn C. Sinh năm: 1952. Địa chỉ: Bản CK, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lò Lương D. Sinh năm: 1955. Địa chỉ: Tổ 8, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lò Thị E. Sinh năm: 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lò Thị F. Sinh năm: 1960. Địa chỉ: Bản Khương Tiên, xã Chiềng Khương, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lò Thị G. Sinh năm: 1962. Địa chỉ: Bản NL (nay là bản HL), xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lò Thị H. Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lò Văn I. Sinh năm: 1968. Địa chỉ: Tổ 1, phường CC, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lò Văn I: Ông Lương Ngọc J. Địa chỉ: Bản CT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lò Văn K. Sinh năm: 1964. Địa chỉ: Bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lò Văn L. Địa chỉ: Bản C, phường CA, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lò Thị M. Sinh năm: 1965. Địa chỉ: Bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Cà Thị N. Sinh năm: 1982. Địa chỉ: Bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Lò Văn I.

- Bị đơn ông Lò Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:**

Các đồng nguyên đơn trình bày như sau:

Bố mẹ các ông bà là ông Lò Văn Th (chết năm 2007) và bà Lương Thị Ch (chết năm 1985). Ông bà ThCh sinh được 10 người con, trong đó có 06 trai, 04 gái, gồm: Ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị H, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị G, ông Lò Văn I và ông Lò Văn K.

Sinh thời ông bà ThCh đã khai phá được một số diện tích đất tại bản NL, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Khi còn sống ông Th đã chia phần đất cho các con như phần đất cho bà F, ông A, ông B (Ti), bà E, bà H và trong đó ông I được chia phần nhiều hơn.

Từ năm 1991 đến năm 1997, ông I là người ở với ông bà ThCh, do điều kiện phải chuyển công tác đến thành phố SL vào cuối năm 1997. Đến năm 1998 thì cho cháu Ti là con của ông B vào chăm nom ông bà được hơn một năm, vào thời điểm đó làm thủ tục đo đạc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nên GCNQSDĐ mang tên ông Lò Văn Ti.

Do ông Th tuổi ngày càng cao, sức khỏe giảm sút, cháu Ti thì tuổi còn trẻ nên không có kinh nghiệm chăm sóc cho người già được nên ông Th ra ở riêng với sự giám sát của con cả và có ông D, ông I và các con cháu khác hỗ trợ tài chính chăm sóc bố mẹ.

Đến năm 2004, khi ông K được giảm biên chế trở về địa phương thì ông Th về ở cùng vợ chồng ông K được hơn 03 năm. Đến ngày 17/5/2007 thì ông Th chết, không để lại di chúc. Trước khi chết ông Th có để lại 01 ao to và đất làm nhà của ông Th. Ông Th có ý nguyện để làm nơi tập trung cho các con cháu.

Cuối năm 2009, ông K đã tự ý kê khai diện tích đất ao của ông Th để lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 8676625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009 cho ông Lò Văn K và bà Lò Thị M. Địa chỉ thửa đất: Bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, tại thửa số 99, tờ bản đồ số 66, diện tích 2.901,2 m². Việc ông K tự ý kê khai diện tích đất ao và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các ông bà hoàn toàn không biết, đã xâm phạm đến quyền lợi của các ông bà là những người được hưởng di sản thừa kế.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích là 2.901,2 m² tại thửa số 99, tờ bản đồ số 66, loại đất ao. Địa chỉ thửa đất: Có tên xứ đồng là Huồi Pít thuộc bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Lò Văn K và bà Lò Thị M được UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn xác định lại phần diện tích đất theo yêu cầu là 2.455,2 m².

Bị đơn ông Lò Văn K trình bày:

Gia đình ông đã ra ở riêng tại bản NN từ năm 1989. Quá trình sinh sống tại đó vợ chồng ông đã khai phá đất ở, đất ao hồ, đất nương rẫy, đất trồng lúa. Đến ngày 20/12/1999 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất là 5.621 m² trong đó đất thổ cư là 399m²; đất ao hồ 03 thửa tổng diện tích 1.301 m²; đất nương rẫy 162 m²; đất vườn rừng 3000 m²; đất trồng lúa 03 thửa diện tích 759 m², toàn bộ diện tích đất của gia đình ông được cấp không liên quan gì đến diện tích đất của bố ông là ông Lò Văn Th.

Cuối năm 1998, bố ông I (ông Th) cùng mẹ kế (bà X) chuyển đến sinh sống cùng với vợ chồng ông. Tài sản duy bố ông còn lại là 01 cái ao hồ sinh lầy, chưa được cải tạo, diện tích khoảng 1.500 m² nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ và cũng không có các loại giấy tờ gì để chứng minh. Khi đó ông Th tuổi đã cao và đang bị bệnh Pắc ki sơn, đều do vợ chồng ông chăm sóc, đến năm 2007 thì

ông Th mất. Toàn bộ các khoản chi phí mai táng đều do vợ chồng ông lo liệu. Việc nguyên đơn là các đồng thừa kế cho rằng ông Th đã có lương hưu nên vợ chồng ông không phải chăm sóc nuôi ông là điều hoàn toàn vô lý.

Quá trình sử dụng đất, ngày 30/12/1992, vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng thêm 01 cái đập phai của bản NN gắn liền với đất của ông, chiều dài theo con suối là 52m, chiều rộng 25m, tổng diện tích 1.300 m². Ông đã dùng máy xúc san chung vào phần đất ao của bố Th hiện tại ông đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông còn mua thêm đất ao của chị gái ông là Lò Thị E, diện tích khoảng 300 m²; mua ao của anh trai Lò Văn B khoảng 300 m².

Đến ngày 31/12/2009, ông đã làm lại GCNQSDĐ tổng diện tích 7.625,7m²; trong đó có cả phần đất ao của bố Th và đất ông mua của bản NN, đất mua của chị gái, đất ao mua của anh trai nên diện tích đất có tăng thêm. Quá trình sử dụng đất của gia đình ông không có tranh chấp.

Đối với diện tích đất 2.901,2 m² tại thửa 99, tờ bản đồ 66, ông thừa nhận có một phần là ao hồ của bố Th để lại cho vợ chồng ông khoảng 1.500 m². Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất 2.901,2m² là di sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị M: Nhất trí với quan điểm của bị đơn ông Lò Văn K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cà Thị N trình bày:

Năm 2003 bà Nhân lập gia đình, được ông ngoại là Lò Văn Th cho một mảnh đất, diện tích khoảng 200m², bà đã làm nhà ở và ở được 7 năm. Năm 2007 ông ngoại bà mất, nhưng bà chưa tách thửa để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà. Năm 2009 ông Lò Văn K là cậu của bà đã khai thửa đất của bà vào trong bì đất của ông K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 867625 mang tên ông Lò Văn K, địa chỉ: bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Nay bà đề nghị ông Lò Văn K trả lại phần diện tích đất mà ông ngoại bà đã chia cho bà, diện tích 200 m².

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Cà Thị N rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn các Điều 631, 633, 650, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ các Điều 26, 35 và 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

- Xác định hàng thừa kế của cụ Lò Văn Th có 10 người con gồm: Ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị H, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị G, ông Lò Văn I và ông Lò Văn K.

- Xác định di sản của cụ Lò Văn Th để lại diện tích đất 1.384,5 m², loại đất nuôi trồng thủy sản, nằm trong thửa 99, tờ bản đồ số 66, không có tài sản gì trên đất; địa chỉ thửa đất: Huồi Pít thuộc bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009 cho hộ ông Lò Văn K và bà Lò Thị M.

- Chia thừa kế theo pháp luật:

Giao cho các nguyên đơn gồm: Ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị H, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị G, ông Lò Văn I. Do ông Lò Văn I làm đại diện được quyền sử dụng, quản lý gồm:

+ Diện tích đất di sản thừa kế là 877,8 m², loại đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 66, trị giá 79.002.000đ (Bảy mươi chín triệu linh hai nghìn đồng), có tứ cạnh: Phía Bắc giáp khe suối chiều dài cạnh 22m; Phía Nam giáp đất ông K chiều dài cạnh 22m; Phía Đông giáp đất ông K chiều dài cạnh 44,8m; Phía Tây giáp đất ông K chiều dài cạnh 35m (có sơ đồ kèm theo). Địa chỉ thửa đất: Huồi Pit thuộc bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Không có tài sản trên đất.

+ Diện tích đất 120 m² xác định làm đường đi (lối đi vào khu đất có tranh chấp được xác định là di sản thừa kế) trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lò Văn K và bà Lò Thị M. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 867625, tại thửa số 127, tờ bản đồ số 66. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 157654 tại thửa số 153, tờ bản đồ số 66, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp khu đất đang tranh chấp rộng 3m; phía Nam giáp đường NN - Mường Lằm (quốc lộ 12) rộng 3m; phía Đông giáp đất ông K dài 40,0m; phía Tây giáp đất bà H dài 40,0m, trị giá là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng). Không có tài sản trên đất.

Tổng diện tích các nguyên đơn được sử dụng, sở hữu là 997,8m², trị giá 184.002.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

Giao cho bị đơn ông Lò Văn K được sử dụng, sở hữu diện tích đất 506,7 m², loại đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 66, trị giá 45.603.000đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm linh ba nghìn đồng), có tứ cạnh: Phía Bắc giáp khe suối; Phía Nam giáp đất ông K; Phía Đông giáp đất ông K; Phía Tây giáp đất giao cho các đồng nguyên đơn được hưởng (có sơ đồ kèm theo). Địa chỉ thửa đất: Huồi Pít thuộc bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Không có tài sản trên đất.

Diện tích đất còn lại trong thửa 99, tờ bản đồ số 66 là 1.745,5m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lò Văn K và bà Lò Thị M.

Các bên đương sự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để đăng ký biến động và thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo theo diện tích đã được chia nêu trên.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cà Thị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 19 tháng 8 năm 2022, ông Lò Văn I có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với Quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm các vấn đề sau:

+ Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009 cho hộ ông Lò Văn K và bà Lò Thị M. Địa chỉ thửa đất: Bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La.

+ Đề nghị xác định lại tổng diện tích đất (di sản thừa kế) mà ông Th để lại cho các con gồm ao, ruộng, đất trồng cây lâu năm, đất thổ cư.

+ Đề nghị xác định lại người được hưởng di sản thừa kế của ông Th là 10 người con đẻ của ông Th, chứ không phải 11 người như cấp sơ thẩm đã giải quyết.

- Ngày 23 tháng 8 năm 2022, ông Lò Văn K có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với Quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

+ Bị đơn ông Lò Văn K đồng ý để lại 01 phần diện tích đất ao của cụ Thàng là 500 m² để xây từ đường cùng với khuôn viên nhà thờ họ. Đề nghị giao cho ông Lò Văn K được trông coi, quản lý theo phong tục tập quán của người dân tộc Thái.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lò Văn I có đơn đề nghị xem xét thẩm định lại đối với diện tích đất tranh chấp.

- Ngày 12/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất đang tranh chấp.

- Quá trình thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất đang tranh chấp, các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I và bị đơn ông Lò Văn K tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cùng nhau xác lập và ký kết biên bản thỏa thuận ngày 12/01/2023 dưới sự chứng kiến của đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, đại diện chính quyền bản NN, xã NN, nội dung như sau:

Các bên thống nhất để lại diện tích đất 1.300 m² để làm nơi thờ tự (đất chung của dòng họ) và 134,9 m² để làm đường vào đất thờ tự. Diện tích đất này được trích ra gồm một phần diện tích đất nằm trong thửa đất số 99, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất “Huồi Pít” tại bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn K, Lò Thị M, số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009 và một phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lò Thị G (phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Lò Văn K nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504405 mang tên ông Hà Tú È, địa chỉ bản Nà Nghiu, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La do UBND huyện SM cấp ngày 17/11/1998.

(Có sơ đồ đất theo thỏa thuận kèm theo).

Đối với diện tích đất trên, các bên không được mua bán chuyển nhượng mà chỉ sử dụng vào mục đích để thờ tự chung của dòng họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn và bị đơn ông Lò Văn K thống nhất không chia di sản thừa kế của ông Lò Văn Th để lại, mà thực hiện theo nội dung thỏa thuận như Biên bản thỏa thuận lập ngày 12 tháng 01 năm 2023 mà các bên đã ký kết.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định quyền thừa kế đối với di sản do người chết để lại được các đồng nguyên đơn xác định do bị đơn đang quản lý sử dụng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Ngoài những người tham gia tố tụng như cấp sơ thẩm đã xác định, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ lại tại cấp phúc thẩm, xác định phần diện tích đất đang tranh chấp hiện đang được bị đơn ông Lò Văn K cho ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1983 (địa chỉ: Số 02, đường Đặng Đoàn Bằng, phường TN, thành phố ND, tỉnh Nam Định) thuê để làm bãi chứa cát theo hình thức thuê ký hợp đồng hàng năm. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Y. Ông Y có ý kiến sẽ di dời phần tài sản (cát) vào phần đất khác của ông K trong trường hợp tòa tiến hành chia diện tích đất đang tranh chấp. Nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết riêng với ông K và đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ông Nguyễn Văn Y vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Để có căn cứ xác định diện tích chính xác phần di sản do ông Lò Văn Th để lại, ngày 12/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn ông Lò Văn I.

Quá trình thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất đang tranh chấp, các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I và bị đơn ông Lò Văn K tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cùng nhau xác lập và ký kết biên bản thỏa thuận ngày 12/01/2023 dưới sự chứng kiến của đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, đại diện chính quyền bản NN, xã NN, nội dung như sau:

Các bên thống nhất để lại diện tích đất 1.300 m² để làm nơi thờ tự (đất chung của dòng họ) và 134,9 m² để làm đường vào đất thờ tự. Diện tích đất này được trích ra gồm:

+ Một phần diện tích đất (770,5 m²) nằm trong thửa đất số 99, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất “Huổi Pít” tại bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn K, Lò Thị M, số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009.

+ Một phần diện tích đất (134,9 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn K, Lò Thị M, số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009, địa chỉ thửa đất “Huổi Pít” tại bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La.

+ Một phần diện tích đất (529,5 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lò Thị G (phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Lò Văn K nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504405 mang tên ông Hà Tú È, địa chỉ bản Nà Nghịu, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La do UBND huyện SM cấp ngày 17/11/1998.

(Có sơ đồ đất theo thỏa thuận kèm theo).

Đối với diện tích đất trên, các bên không được mua bán chuyển nhượng mà chỉ sử dụng vào mục đích để thờ tự chung của dòng họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn và bị đơn ông Lò Văn K thống nhất không chia di sản thừa kế của ông Lò Văn Th để lại, mà thực hiện theo nội dung thỏa thuận như Biên bản thỏa thuận lập ngày 12 tháng 01 năm 2023 mà các bên đã ký kết.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án, cần chấp nhận.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 3.800.000 đồng; tại cấp phúc thẩm là 10.268.000 đồng. Tổng cộng là 14.068.000 đồng. Các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu số chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nêu trên. Căn cứ trên số tiền tạm ứng chi phí tố tụng do đại diện các đồng nguyên đơn là ông Lò Văn A, Lò Văn I đã nộp, các đồng nguyên đơn đã nộp đủ.

- Về án phí:

+ Người kháng cáo nguyên đơn ông Lò Văn I, bị đơn ông Lò Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng số án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo bản án sơ thẩm là 11.480.000đ (mười một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu số án phí dân sự sơ thẩm nêu trên. Theo phần các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I mỗi người phải chịu là 1.275.555đ, làm tròn 1.275.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Do các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F đều là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Đồng nguyên đơn bà Lò Thị H, ông Lò Văn I phải chịu tổng cộng 2.550.000đ. Số tiền án phí trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các đồng nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 04/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La như sau:

Căn các Điều 631, 633, 650, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ các Điều 26, 35 và 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I và bị đơn ông Lò Văn K về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thống nhất không chia di sản thừa kế của ông Lò Văn Th để lại.

- Thống nhất để lại diện tích đất 1.300 m² để làm nơi thờ tự (đất chung của dòng họ) và 134,9 m² để làm đường vào đất thờ tự. Diện tích đất này được trích ra gồm:

+ Một phần diện tích đất (770,5 m²) nằm trong thửa đất số 99, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất “Huổi Pít” tại bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn K, Lò Thị M, số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009.

+ Một phần diện tích đất (134,9 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn K, Lò Thị M, số AN 867625 do UBND huyện SM cấp ngày 31/12/2009, địa chỉ thửa đất “Huổi Pít” tại bản NN, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La.

+ Một phần diện tích đất (529,5 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lò Thị G (phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Lò Văn K nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504405 mang tên ông Hà Tú È, địa chỉ bản Nà Nghịu, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La do UBND huyện SM cấp ngày 17/11/1998.

(Tư cận, ranh giới cụ thể Có sơ đồ kèm theo).

Đối với diện tích đất trên, các bên không được mua bán chuyển nhượng mà chỉ sử dụng vào mục đích để thờ tự chung của dòng họ.

2. Các đồng nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện việc chỉnh lý lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung đã thỏa thuận.

3. Về chi phí tố tụng:

Chấp nhận việc các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I tự nguyện chịu khoản chi phí tố tụng là 14.068.000 đồng. Các đồng nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo nguyên đơn ông Lò Văn I phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001711 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La. Nguyên đơn ông Lò Văn I đã nộp đủ.

Người kháng cáo bị đơn ông Lò Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001712 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La. Bị đơn ông Lò Văn K đã nộp đủ.

4.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lò Thị H, ông Lò Văn I mỗi người phải chịu 1.275.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do đại diện cho các đồng nguyên đơn (ông Lò Văn A) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000762 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La. Các đồng nguyên đơn ông Lò Văn A, ông Lò Văn B, bà Lò Thị G, ông Lò Văn C, ông Lò Lương D, bà Lò Thị E, bà Lò Thị F, bà Lò Thị H, ông Lò Văn I được hoàn lại số tiền là 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/02/2023).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện SM;
- Chi cục THADS huyện SM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tòng Thị Hiền